

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THỦY LỢI NAM SÔNG MÃ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-21
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-21

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY

Chu tịch, Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### CÔNG TY

Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800110566, đăng ký lần đầu ngày 17/6/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lý Nhân, Xã Yên Phong, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động của Công ty gồm các ngành nghề:

- Quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi thuộc phạm vi Công ty quản lý;
- Lập dự án đầu tư, lập dự toán. Thẩm định dự án, dự toán. Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án các công trình thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, cấp thoát nước, nông lâm, công nghiệp, điện hạ thế;
- Xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, điện hạ thế và cấp thoát nước;
- Sản xuất, gia công, kinh doanh và đại lý vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ tùng cơ điện.

Vốn điều lệ: 429.858.137.306 đồng (Bốn trăm hai mươi chín tỷ tám trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm linh sáu đồng)

Tên chủ sở hữu: UBND tỉnh Thanh Hóa

Công ty có các chi nhánh trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Thủy nông Tả Thiệu Hóa	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa
2	Chi nhánh Thủy nông Yên Định	Xã Định Long, huyện Yên Định
3	Chi nhánh Thủy nông Ngọc Lặc	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc
4	Chi nhánh Thủy nông Tả Thọ Xuân	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân
5	Chi nhánh Thủy nông Vĩnh Lộc	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày từ trang 06 đến trang 21 kèm theo.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban giám đốc, Kế toán trưởng bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Tú	Chủ tịch Công ty
Ông Lưu Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Ngô Đức Hợp	Phó Giám đốc
Ông Trương Trọng Phương	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Trang	Phụ trách kế toán

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tài chính kế toán và Kiểm toán VN đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau."

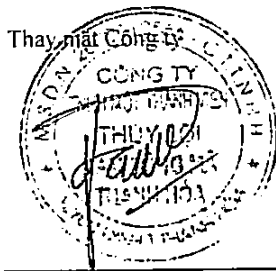
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

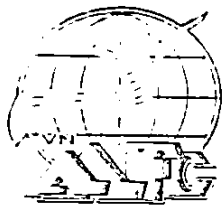
Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục hàng tồn kho, tài sản, công nợ phải thu, phải trả, vay dài hạn tại ngày 31/12/2023 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Nguyễn Văn Tú  
Chủ tịch Công ty

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024



Số: 02/2024/BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã được lập ngày 29 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch, Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính có được lập và trình bày theo đúng hướng dẫn quy định hay không dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có trình bày phù hợp về mẫu báo cáo hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm kiểm tra về việc lập và trình bày số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

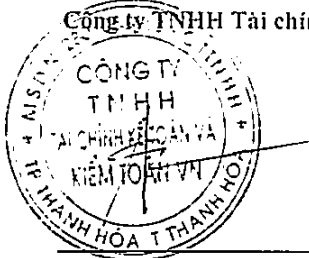
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến ngoại trừ kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản công nợ phải thu và phải trả chưa được đối chiếu xác nhận số dư tại 31/12/2023. Theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đúng đắn của các khoản công nợ chưa có đối chiếu, xác nhận cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trình bày trên Báo cáo tài chính

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH một thành viên Thủy Lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Tài chính kế toán và Kiểm toán VN

Nguyễn Thị Tâm

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0585-2023-143-1

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Văn Doanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0994-2023-143-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.304.480.801	16.087.137.245
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.253.817.815	9.281.040.772
111	1. Tiền		4.676.980.774	3.281.040.772
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.576.837.041	6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	7.000.000.000	4.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.000.000.000	4.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.258.154.948	2.000.676.997
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	94.575.096	185.496.566
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.048.386.914	44.644.680
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.115.192.938	1.770.535.751
140	IV. Hàng tồn kho	8	792.508.038	805.419.476
141	1. Hàng tồn kho		792.508.038	805.419.476
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		426.229.413.203	419.726.056.821
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.419.000	1.419.000
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	1.419.000	1.419.000
220	II. Tài sản cố định		424.513.146.826	419.525.162.907
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	424.513.146.826	419.525.162.907
222	- Nguyên giá		474.190.155.647	465.406.414.197
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(49.677.008.821)	(45.881.251.290)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.074.212.100	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.074.212.100	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	109.500.000	109.500.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		109.500.000	109.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		531.135.277	89.974.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	531.135.277	89.974.914
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		<u>465.533.894.004</u>	<u>435.813.194.066</u>

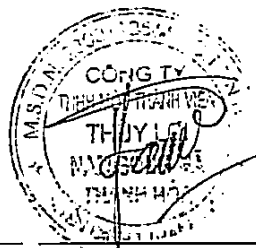
## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.439.606.456	7.742.926.518
310	I. Nợ ngắn hạn		8.439.606.456	7.742.926.518
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	3.633.307.152	3.092.560.817
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	613.562.531	347.212.201
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	22.013.949	33.813.998
314	4. Phải trả người lao động		2.077.975.679	2.143.049.561
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.600.002.968	1.600.006.432
322	12 Quỹ khen thưởng phúc lợi		492.744.177	526.283.509
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		457.094.287.548	428.070.267.548
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	457.094.287.548	428.070.267.548
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		456.873.483.082	427.849.463.082
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		220.804.466	220.804.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		<u>465.533.894.004</u>	<u>435.813.194.066</u>

Lê Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Tú  
Chủ tịch Công ty

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024

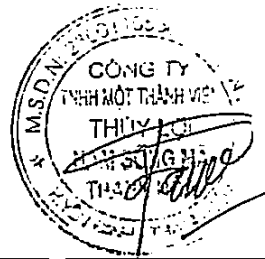


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	56.013.814.790	56.404.856.305
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.013.814.790	56.404.856.305
11	4. Giá vốn hàng bán	17	51.246.985.421	51.906.237.010
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.766.829.369	4.498.619.295
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	736.910.837	989.055.895
22	7. Chi phí tài chính	19	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	20	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	5.355.745.006	5.598.732.749
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		147.995.200	(111.057.559)
31	11. Thu nhập khác	20	37.995.500	111.057.559
32	12. Chi phí khác	21	185.990.700	-
40	13. Lợi nhuận khác		(147.995.200)	111.057.559
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-

Lê Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Tú  
Chủ tịch Công ty

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

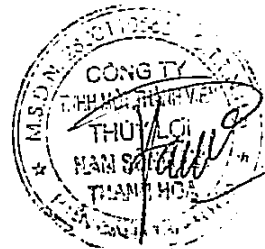
Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<i>1. Điều chỉnh cho các khoản</i>				
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3.826.259.115	3.779.786.583
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(736.910.837)	(989.055.895)
08	<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.089.348.278</b>	<b>2.790.730.688</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.257.477.951)	(65.754.920)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.911.438	59.451.786
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		730.219.270	63.467.308
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(441.160.363)	492.204.688
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(184.003.722)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		32.349.020.000	3.400.030.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.324.982.466)	(2.530.542.422)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>29.157.878.206</b>	<b>4.025.583.406</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.922.012.000)	(4.412.161.800)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(4.000.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		736.910.837	989.055.895
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(12.185.101.163)</b>	<b>(7.423.105.905)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>16.972.777.043</b>	<b>(3.397.522.499)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>9.281.040.772</b>	<b>12.678.563.271</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	3	<b>26.253.817.815</b>	<b>9.281.040.772</b>

Lê Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Tú  
Chủ tịch Công ty

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 12/3/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800110566, đăng ký lần đầu ngày 17/6/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/02/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Thôn Lý Nhân, Xã Yên Phong, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 429.858.137.306 đồng (Bốn trăm hai mươi chín tỷ tám trăm năm mươi tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn ba (trăm linh sáu) đồng)

Tên chủ sở hữu: UBND tỉnh Thanh Hóa

Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động của Công ty gồm các ngành nghề:

- Quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi thuộc phạm vi Công ty quản lý;
- Lập dự án đầu tư, lập dự toán. Thẩm định dự án, dự toán. Tư vấn đấu thầu, quản lý dự án các công trình thủy lợi, nuôi trồng thủy sản, cấp thoát nước, nông lâm, công nghiệp, điện hạ thế;
- Xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông; Xây dựng các công trình: dân dụng, điện hạ thế và cấp thoát nước;
- Sản xuất, gia công, kinh doanh và đại lý vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị, phụ tùng cơ điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh, bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

Công ty có các chi nhánh trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Thủy nông Tả Thiệu Hóa	Thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa
2	Chi nhánh Thủy nông Yên Định	Xã Định Long, huyện Yên Định
3	Chi nhánh Thủy nông Ngọc Lặc	Xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc
4	Chi nhánh Thủy nông Tả Thọ Xuân	Xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân
5	Chi nhánh Thủy nông Vĩnh Lộc	Thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

## 2.4 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 2.14 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua,
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa,
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí đi vay vốn

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong Năm trước và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo qui định tại Điều 8 và Khoản 4 điều 18 Thông tư 78/2014-BTC ngày 18/06/2014, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Việc xác định thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế.

## 2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.016.291.803	648.130.260
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.660.688.971	2.632.910.512
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	21.576.837.041	6.000.000.000
	<u>26.253.817.815</u>	<u>9.281.040.772</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
	<u>7.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Chi tiết khoản phải thu chiếm từ 10% phải thu khách hàng trở lên	-	185.496.566
<i>Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất</i>		5.135.000
<i>Công ty cung cấp nước Thanh Hóa</i>		180.361.566
- Các khoản phải thu khách hàng khác	94.575.096	-
	<u>94.575.096</u>	<u>185.496.566</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	94.575.096	185.496.566
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-
	<u>94.575.096</u>	<u>185.496.566</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Chi tiết khoản trả trước chiếm từ 10% trả trước NCC		-		-
<i>Công ty Đức An</i>		-	37.961.000	-
<i>Công ty CP tập đoàn Tân Hưng</i>	3.121.974.000	-		-
<i>Viện Kỹ thuật công nghệ</i>	410.724.000	-		-
Trả trước cho người bán khác	515.688.914	-	6.683.680	-
	<u>4.048.386.914</u>	<u>-</u>	<u>44.644.680</u>	<u>-</u>

b)	Dài hạn				
	Chi tiết khoản phải thu chiếm từ 10% phải thu NCC trở lên	-	-	-	-
	<i>Đoàn quy hoạch thủy lợi</i>	1.419.000	-	1.419.000	-
	Trả trước cho người bán khác	-	-	-	-
		<u>1.419.000</u>	<u>-</u>	<u>1.419.000</u>	<u>-</u>
7	PHẢI THU KHÁC				
		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
a)	Ngắn hạn				
	Phải thu khác	673.150.094	-	836.593.985	-
	<i>Dã nợ vét lòng hồ Hôn Chè</i>	<i>147.000.000</i>	-	<i>147.000.000</i>	-
	<i>Miễn giảm thủy lợi phí</i>	<i>388.651.441</i>	-	<i>388.651.441</i>	-
	<i>Thu thanh tra TLP. 2013</i>	-	-	<i>171.655.112</i>	-
	<i>Phạm Văn Sơn</i>	<i>78.000.000</i>	-	<i>78.000.000</i>	-
	<i>Các đối tượng khác</i>	<i>59.498.653</i>	-	<i>51.287.432</i>	-
	Tạm ứng	440.399.448	-	920.773.914	-
	Phải thu BHXH (dư nợ 338)	1.643.396	-	13.167.852	-
		<u>1.115.192.938</u>	<u>-</u>	<u>1.770.535.751</u>	<u>-</u>
8	HÀNG TỒN KHO				
		31/12/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
	Nguyên liệu, vật liệu	682.820.038	-	642.961.476	-
	Công cụ, dụng cụ	109.688.000	-	162.458.000	-
		<u>792.508.038</u>	<u>-</u>	<u>805.419.476</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUY LỢI NAM SÔNG MÃ**  
Thôn Lý Nhân, Xã Yên Phong, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị truyền dẫn		Phương tiện vận tải		TSCĐ dùng trong quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	346.480.832.390	117.098.213.807	1.612.968.000		214.400.000		465.406.414.197			
- Mua sắm + tăng mới			781.765.000		228.338.000		1.010.103.000			
- Tăng khác	2.820.863.000	5.023.129.900					7.843.992.900			
- Giảm khác	6.296.000	64.058.450					70.354.450			
- Giảm do thanh lý, nhượng bán										
Số dư cuối năm	349.295.399.390	122.057.285.257	2.394.733.000		442.738.000		474.190.155.647			
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	19.372.037.080	25.723.504.809	685.511.400		100.198.001		45.881.251.290			
- Khấu hao trong năm	1.004.598.046	2.512.525.832	232.958.590		45.675.063		3.795.757.531			
- Giảm khác do chuyển CCDC, mục TS										
- Thanh lý, nhượng bán										
- Giảm khác										
Số dư cuối năm	20.376.635.126	28.236.030.641	918.469.990		145.873.064		49.677.008.821			
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	327.108.795.310	91.374.708.998	927.456.600		114.201.999		419.525.162.907			
Tại ngày cuối năm	328.918.764.264	93.821.254.616	1.476.263.010		296.864.936		424.513.146.826			

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	8.588.646	16.580.256	20.665.326	4.503.576
- Thuế thu nhập cá nhân	21.940.432	16.145.653	21.940.432	16.145.653
- Thuế tài nguyên	3.284.920	5.024.320	6.944.520	1.364.720
- Tiền thuế đất		159.439.694	159.439.694	-
- Thuế BVMT và các loại thuế khác		73.600.000	73.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>33.813.998</b>	<b>270.789.923</b>	<b>282.589.972</b>	<b>22.013.949</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	2.968	6.432
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.600.000.000	1.600.000.000
- <i>Ngân sách thực hiện khôi phục hồ chứa nước</i>	-	1.600.000.000
	<b>1.600.002.968</b>	<b>1.600.006.432</b>

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	456.873.483.082	427.849.463.082

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu CCDV thủy lợi	47.950.660.670	48.217.011.465
Ngân sách cấp bù kế hoạch	7.668.000.000	7.577.668.000
Doanh thu CCDV thủy lợi khác	395.154.120	610.176.840
	<u>56.013.814.790</u>	<u>56.404.856.305</u>

17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	51.246.985.421	51.906.237.010
	<u>51.246.985.421</u>	<u>51.906.237.010</u>

18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	736.910.837	989.055.895
	<u>736.910.837</u>	<u>989.055.895</u>

19 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.355.745.006	5.598.732.749
	<u>5.355.745.006</u>	<u>5.598.732.749</u>

20 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	37.995.500	111.057.559
	<u>37.995.500</u>	<u>111.057.559</u>

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 22 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam Sông Mã Thanh Hóa đã được Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long kiểm toán

Số liệu trên đã được điều chỉnh theo Biên bản thẩm định ngày 28/06/2023 của Sở tài chính Thanh Hóa và một số chỉ tiêu đơn vị tự điều chỉnh, cụ thể:

Khoản mục	Mã số	Số trình bày trên báo cáo kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh	Mã số	Số sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
<i>Tài sản</i>					
Chi phí trả trước dài hạn	261	72.230.914	17.744.000	261	89.974.914
<i>Nguồn vốn</i>					
Người mua trả tiền trước	312	325.268.201	21.944.000	312	347.212.201
Phải trả người lao động	314	2.147.249.561	(4.200.000)	314	2.143.049.561
Quỹ đầu tư phát triển	417	-	220.804.466	417	220.804.466
Khoản mục	Mã số	Số trình bày trên BCKT năm trước	Số điều chỉnh	Mã số	Số sau điều chỉnh
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	56.426.800.305	(21.944.000)	1	56.404.856.305
Giá vốn hàng bán	11	51.923.958.729	(17.744.000)	11	51.906.214.729
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.602.932.749	(4.200.000)	25	5.598.732.749

## 23 . THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có dấu hiệu cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Lê Thị Hà  
Người lập

Nguyễn Thị Trang  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Tú  
Chủ tịch Công ty

Thanh Hóa, ngày 29 tháng 01 năm 2024